

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Thiết bị y tế năm 2026 tại Bệnh viện Phùng Chí Kiên.
- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Thiết bị y tế năm 2026 tại Bệnh viện Phùng Chí

Kiên

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Phùng Chí Kiên
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Phùng Chí Kiên; Địa chỉ: Tổ 5A, phường

Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, 2026
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.

- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
 (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
 (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
 (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
 (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
 (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TBYT)	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TBYT	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TBYT là theo Số lưu hành TBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba
<p>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai. Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</p>											

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Tên hàng	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
-----	----------	-------------------------	------------------------------------	---

	hoá	sơ mời thầu		Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Anh	Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Việt (Lưu ý: Nhà thầu phải đảm bảo tính chính xác giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác, Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu làm rõ E-HSDT. Việc nhà thầu cố tình dịch sai nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, tùy mức độ có thể được coi là hành vi gian lận)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	<ul style="list-style-type: none"> - Tên hàng hoá theo Số lưu hành TBYT: ... - Tên thương mại (nếu có): Tên hàng hóa theo số công bố lưu hành, hoặc theo chứng từ nhập hàng (trong trường hợp có sự sai khác với Tên hàng hoá theo HSMT). - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ... 		
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	<p>Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá (trích dẫn cụ thể tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật và Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT) (theo ví dụ dưới đây bao gồm cả đoạn văn mô tả chi tiết nội dung đáp ứng)</p> <p>Đồng thời, nhà thầu cần đánh dấu</p>	

				(Highlight) trên tài liệu kỹ thuật thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.
	Ví dụ:	<i>Độ phân giải:</i> \geq <i>1920x1080p</i>	<i>Độ phân giải:</i> <i>1920x1080p</i>	Catalog trang 2 “Resolution: 1920x1080p”
		<i>Nguồn sáng:</i> <i>LED hoặc</i> <i>tương đương</i>	<i>Nguồn sáng: LED</i>	Catalog trang 2 “Light source: High power white led”
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (thông số phụ việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) kèm theo dẫn chứng pháp lý và khoa học cụ thể (không chấp nhận các lập luận tự suy diễn) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
			Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)	Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng
<p>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai.</p> <p><i>Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</i></p>				

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1	<p>Máy điều trị điện từ trường</p> <p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau, máy mới 100%. - Máy được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	<p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc. - Dây nguồn: 01 cái. - Cuộn dẹt Ø15 cm: 02 cái. - Cáp kết nối cuộn từ: 02 cái. - Giường trị liệu: 01 cái. - Cuộn từ đơn kích thước Ø 60cm: 01 cái. - Dây co giãn 100 cm: 02 cái. - Nam châm: 01 cái. - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ. <p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số đầu ra: 02. - Tín hiệu dẫn trong trường: Hình chữ nhật. - Thời gian xung: Lên tới 5 ms. - Tần số: $01 \div \geq 300$ Hz. - Sự cảm ứng tối đa B: 160 gauss (tối đa) trên cuộn Φ 15 cm và Φ 7.5 cm. - 65 gauss (tối đa) trên cuộn Φ 30 cm. - 50 gauss (tối đa) trên cuộn Φ 60 cm. - Thời gian: $0 \div \geq 240$ phút, tín hiệu bằng âm thanh kết thúc sự điều trị và tự động ngừng điều trị. - Các cuộn dẹt, mỗi cuộn có Ø 15 cm. - Mức độ an toàn: I - BF type hoặc tương đương. - Khả năng kết hợp với cuộn vùng lưng có Ø 60 cm.
2	<p>Máy sóng ngắn điều trị</p> <p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau, máy mới 100%. - Máy được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc. - Tay đỡ đầu phát: 02 cái. - Đĩa điện cực Ø 130mm: 02 cái. - Bóng tạo sóng: 01 cái. - Đèn thử sóng: 01 cái. - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ.

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	<p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp bảo vệ: 01 BF hoặc tương đương. - Tần số làm việc: 27.12 MHz. - Điều chỉnh thiết bị: Tự động. - Các chế độ vận hành: Điện dung, điện trở và cảm ứng. - Các kiểu phát sóng: Liên tục và xung. - Độ rộng xung: 400 micro giây. - Phạm vi điều chỉnh tần số: Từ ≤ 20 đến ≥ 200Hz. - Công suất: phạm vi điều chỉnh từ 0 đến ≥ 470 W ở chế độ liên tục. - Công suất tối đa: ≥ 1100W ở chế độ xung. - Thời gian: 0 - ≥ 30 phút. - Màn hình hiển thị tinh thể lỏng LCD. - Chương trình: 20 chương trình lưu sẵn các
3	<p>Máy ly tâm</p> <p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc. - Rotor văng: 01 cái. - Adapter: 04 cái. <p>- Dây nối, dây nguồn và phụ kiện tiêu chuẩn khác.</p> <p>- Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ.</p> <p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rotor văng loại 4 góc (gắn 4 vị trí) - Bộ adapter phù hợp với Rotor văng với tổng số lượng ≥ 68 ống nghiệm dung tích 05ml. - Tốc độ quay tối đa: ≥ 4.000 rpm, bước chỉnh ≤ 100 rpm. - Buồng ly tâm bằng thép không gỉ hoặc tốt hơn. - Có chức năng phát hiện mất cân bằng. - Cài đặt hẹn giờ: Từ 01 đến ≥ 99 phút, có chế độ chạy liên tục.
4	<p>Máy đo tạt khúc xạ</p> <p>I. Yêu cầu chung</p>

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chính sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái. - Máy in nhiệt tích hợp trên máy chính: 01 cái. - Dây nguồn: 01 cái. - Giấy in nhiệt: 01 cuộn. - Khăn phủ máy: 01 cái. - Mắt giả thử máy: 01 cái. - Giấy tỳ cầm: 01 bộ. - Chân bàn nâng hạ điện: 01 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ. <p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình: + Xoay: ≥ 30 độ. + Gập: ≥ 40 độ. - Có chức năng đo cho các bệnh nhân đã đặt thấu kính nội nhãn trong mắt. - Có thể đo thông số WTW của Giác mạc. - Có chức năng đo kích cỡ đồng tử. <p>Đo khúc xạ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo cầu (S): +Dải đo: từ $\leq - 30D$ đến $\geq +22D$. +Bước đo: 0.12D, 0.25D. - Đo trụ (C) +Dải đo: từ $\leq - 10D$ đến $\geq +10D$. +Bước đo: 0.12D, 0.25D. - Đo trục (A): + Dải đo: từ ≤ 0 đến $\geq 180^\circ$. + Bước đo: 10, 50. - Khoảng cách đỉnh gồm các mức 0, 10, 12, 13.5, 15 mm. - Đường kính đồng tử nhỏ nhất: $\Phi 2.0mm$. - Đo bán kính cong giác mạc.

Stt	Yêu cầu về đặc tính, cấu hình thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	<ul style="list-style-type: none"> + Dải đo: Từ $\leq 5.0\text{mm}$ đến $\geq 10.0\text{mm}$. + Bước đo: 0.01mm. Đo độ cong giác mạc - Khúc xạ giác mạc: + Dải đo: từ $\leq 33.75\text{D}$ đến $\geq 67.5\text{D}$. + Bước đo: 0.12D, 0.25D. - Góc trục: + Dải đo: từ ≤ 0 đến ≥ 1800. + Bước đo: 10, 50. - Khoảng cách đồng tử tối đa: 85mm (bước đo: 01mm). - Đo đường kính đồng tử. +Dải đo: từ $\Phi 2.0\text{mm}$ đến $\Phi 8.5\text{mm}$. +Bước đo: 0.1mm. - Thời gian đo khúc xạ và bán kính cong giác mạc: gần 0.07 giây. - Màn hình màu: LCD kích thước ≥ 5.5 inch, có thể xoay, gập để phù hợp với nhiều tư thế đo. - Phạm vi di chuyển của thiết bị đo: - Di chuyển trước/sau: $\pm 22\text{mm}$. - Di chuyển ngang: $\pm 43\text{mm}$. - Di chuyển dọc: $\pm 17\text{mm}$. - Phạm vi di chuyển của tấm đỡ cằm: Di chuyển dọc $\pm 30\text{mm}$.

4. Yêu cầu khác

- Thời gian bàn giao hàng hoá: ≤ 90 ngày
- Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng; Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành ≤ 06 tháng/lần.
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ.
- Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất.
- Phải có đội ngũ kỹ sư được chính hãng sản xuất đào tạo (Có tài liệu chứng minh)
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
- Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.

- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 8 năm sau thời gian bảo hành.

1.3. Các yêu cầu khác:

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Hàng hóa dự thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- Lưu ý: Khi bàn giao hàng hóa, tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải **gồm 03 bản, được đóng thành 03 quyển, Hồ sơ chứng từ phải là Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực** của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định (Như chứng từ nhập khẩu) thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà nhập khẩu và cam kết tài liệu là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu nhà thầu cung cấp; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm **bản dịch thuật hợp pháp** sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng.

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải kiểm định theo yêu cầu của Nhà nước Việt Nam, nhà thầu phải cho tiến hành kiểm định và cung cấp đầy đủ chứng chỉ kiểm định trước khi giao hàng. Chi phí kiểm định do nhà thầu chịu

Mục 2. Bản vẽ: “Không có bản vẽ”

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được Bệnh viện Phùng Chí Kiên và nhà thầu trúng thầu thống nhất tại giai đoạn hoàn thiện hợp đồng và nêu cụ thể trong hợp đồng được ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo E-HSMT hoặc không thích ứng với các thiết bị hiện có thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu

chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.